

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 583 /QĐ-UBND

Quảng Điền, ngày 16 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2.072/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Ban hành Quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- TVHU;
- TT HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Công an huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Đăng Khoa

QUY ĐỊNH

Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Quảng Điền

(Ban hành kèm theo Quyết định số 583 /QĐ-UBND ngày 16 /5/2017 của UBND huyện Quảng Điền)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin (AT-ANTT) trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ cho công tác điều hành và quản lý Nhà nước của các cơ quan, đơn vị quản lý Nhà nước (QLNN) và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *An toàn thông tin*: Bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra. Việc bảo vệ thông tin, tài sản và con người trong hệ thống thông tin nhằm bảo đảm cho các hệ thống thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. An toàn thông tin bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng.

2. *An ninh thông tin*: Là việc bảo đảm thông tin trên mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. *Môi trường mạng*: Mạng nội bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN) của tỉnh, mạng riêng ảo (VPN), mạng Internet.

4. *Địa chỉ IP*: Là một địa chỉ đơn nhất mà những thiết bị điện tử hiện nay đang sử dụng để nhận diện và liên lạc với nhau trên mạng máy tính bằng cách sử dụng giao thức Internet.

5. *Thiết bị lưu trữ ngoài*: Là các ổ cứng di động, USB, đĩa CD, DVD...

6. *Hacker*: Là người có thể viết hay chỉnh sửa phần mềm, phần cứng máy tính bao gồm lập trình, quản trị và bảo mật. Những người này hiểu rõ hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính và dùng kiến thức của bản thân để làm thay đổi, chỉnh sửa nó với nhiều mục đích tốt xấu khác nhau.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN

Điều 4. Bộ máy phụ trách đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

1. Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan trực tiếp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND huyện về công tác quản lý và đảm bảo AT-ANTT trong ứng dụng CNTT trên địa bàn huyện.

2. Mỗi cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm phụ trách CNTT của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 5. Quản lý tài khoản người dùng

1. Cán bộ chuyên trách CNTT của Văn phòng HĐND và UBND huyện là cán bộ đầu mối để tổng hợp đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tạo lập và cung cấp tài khoản truy nhập vào các phần mềm dùng chung của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức của huyện.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phải cài đặt mật khẩu cho máy tính cá nhân của mình, có trách nhiệm bảo vệ và bảo mật tài khoản, dữ liệu của cá nhân và của cơ quan, đơn vị như: Thư điện tử công vụ, phần mềm quản lý văn bản và điều hành văn bản, phần mềm xử lý một cửa tập trung, phần mềm thực hiện ý kiến chỉ đạo của tỉnh, huyện...; không tự ý xâm nhập các tài khoản của người khác để sử dụng; không cung cấp thông tin tài khoản của cá nhân, cơ quan cho các tổ chức, cá nhân không có liên quan. Mật khẩu phải thay đổi thường xuyên hoặc định kỳ.

Điều 6. Về quản lý, sử dụng cơ sở vật chất

1. Đối với thiết bị CNTT

a) Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm quản lý trang thiết bị CNTT (máy vi tính, máy in, thiết bị ngoại vi,...) được giao sử dụng, tự quản lý dữ liệu trên máy tính của cá nhân, tự quyết định việc chia sẻ tài nguyên với các máy tính khác theo đúng quy định. Đối với cơ sở dữ liệu thuộc dạng tài liệu “mật” theo quy định khi chia sẻ, cung cấp phải có ý kiến của lãnh đạo cơ quan, đơn vị và được lưu trữ theo quy định hiện hành.

b) Cán bộ chuyên trách CNTT của UBND huyện và các cán bộ kiêm nhiệm CNTT của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đánh giá sự hoạt động của máy vi tính, các thiết bị mạng và các thiết bị ngoại vi tại cơ quan, đơn vị mình theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; thực hiện việc sao lưu dữ liệu thường xuyên; các thiết bị CNTT phải thực hiện công

tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, giảm thiểu tối đa các sự cố kỹ thuật.

c) Máy vi tính chứa dữ liệu quan trọng và thường xuyên kết nối internet phải cài đặt các phần mềm diệt virus có bản quyền; có cơ chế bảo vệ thư mục và tập tin khi chia sẻ tài nguyên dùng chung.

d) Máy tính và các thiết bị CNTT để nơi an toàn, tránh ảnh hưởng của các tác nhân bên ngoài như nắng, mưa...; không để các tài liệu, vật liệu dễ cháy gần máy tính và các thiết bị CNTT để tránh xảy ra cháy nổ; thường xuyên vệ sinh cho máy vi tính. Khi không sử dụng nên tắt máy vi tính và các thiết bị nhằm tiết kiệm điện và phòng, chống các xâm nhập trái phép.

2. Hệ thống mạng nội bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN) của tỉnh

a) Cán bộ phụ trách CNTT của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm duy trì vận hành mạng nội bộ (mạng LAN) của cơ quan, đơn vị mình; đồng thời phối hợp với cán bộ chuyên trách CNTT của huyện và Sở Thông tin và Truyền thông để duy trì, vận hành ổn định hệ thống mạng WAN của tỉnh tại cơ quan, đơn vị mình; khi có sự cố về mạng WAN của tỉnh tại cơ quan, đơn vị mình thì phải có trách nhiệm báo cho cán bộ chuyên trách CNTT của huyện biết liên hệ với cán bộ của Sở Thông tin và Truyền thông để khắc phục; không được tự ý thay đổi các tham số mạng trong mạng WAN.

b) Cán bộ phụ trách CNTT chịu trách nhiệm hướng dẫn, cài đặt hệ thống máy vi tính tại cơ quan, đơn vị theo đúng tiêu chuẩn an toàn bảo mật; thường xuyên kiểm tra, quét virus cho tất cả các máy tính, xử lý, khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố, đảm bảo hệ thống mạng máy tính hoạt động ổn định, liên tục.

c) Hàng năm, cán bộ phụ trách CNTT phải đề xuất kế hoạch mua sắm các thiết bị CNTT để đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 7. Cơ chế sao lưu dữ liệu

1. Phân loại dữ liệu sao lưu

a) Dữ liệu các phần mềm dùng chung được cài đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin của tỉnh thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Các dữ liệu khác cài đặt trên máy tính cá nhân do các cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị soạn thảo, tạo lập trên các máy tính trong mạng nội bộ.

2. Quy định thiết bị sao lưu

a) Đối với dữ liệu hệ thống: Sử dụng chức năng sao lưu dự phòng của các ứng dụng.

b) Đối với các dữ liệu khác: Các dữ liệu cần lưu trữ, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tự sao chép vào các thiết bị lưu trữ để đảm bảo dữ liệu ít nhất lưu trữ ở hai nơi để phòng ổ đĩa cứng của máy vi tính bị hỏng.

c) Mỗi cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn phải bố trí ngân sách, trang bị thiết bị lưu trữ ngoài (ổ cứng di động, USB, đĩa CD, DVD...) nhằm lưu trữ dữ

liệu an toàn và bảo mật.

Điều 8. Giải quyết và khắc phục sự cố về an toàn, an ninh thông tin

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức

a) Thông báo kịp thời cho cán bộ phụ trách CNTT của cơ quan, đơn vị mình khi phát hiện các sự cố gây mất AT-ANTT trong hệ thống mạng.

b) Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng không khắc phục được phải kịp thời báo cáo cho cơ quan có chuyên môn Sở Thông tin và Truyền thông để có giải pháp xử lý kịp thời.

c) Xử lý khẩn cấp: Khi phát hiện hệ thống bị tấn công, thông qua các dấu hiệu khác thường như: Hệ thống máy tính hoạt động chậm khác thường, nội dung bị thay đổi,... cần thực hiện các bước sau:

- Ngắt kết nối máy vi tính ra khỏi mạng LAN, mạng WAN, internet.
- Sao chép toàn bộ dữ liệu của hệ thống ra thiết bị lưu trữ ngoài (USB, ổ cứng di động,...).
- Khôi phục hệ thống máy tính bằng cách cài đặt lại hệ thống điều hành mới, để hệ thống hoạt động ổn định.

2. Đối với cán bộ phụ trách CNTT

a) Quản lý việc di chuyển các trang thiết bị CNTT (máy vi tính, thiết bị ngoại vi...) của cơ quan, đơn vị.

b) Hướng dẫn người dùng các biện pháp kỹ thuật sử dụng, giải quyết và khắc phục sự cố trong quá trình sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh; trong trường hợp sự cố xảy ra ngoài khả năng giải quyết, kịp thời báo cáo với lãnh đạo cơ quan, đơn vị; đồng thời phối hợp với cơ quan chuyên môn, cán bộ phụ trách CNTT của Sở Thông tin và Truyền thông để cùng phối hợp khắc phục đảm bảo hệ thống mạng mạng WAN hoạt động ổn định và thông suốt.

3. Đối với phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các sự cố, đảm bảo AT-ANTT trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Tham mưu cho UBND huyện các phương án xử lý đảm bảo AT-ANTT trên địa bàn huyện.

Chương III

TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN MẠNG

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về

các nguy cơ mất AT-ANTT; tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện trong công tác đảm bảo AT-ANTT của cơ quan, đơn vị mình.

2. Xây dựng quy chế đảm bảo AT-ANTT nội bộ, lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động của hệ thống thông tin gồm: máy vi tính, mạng internet, mạng Lan, mạng WAN của tỉnh. Có kế hoạch bảo trì và nâng cấp hệ thống bảo vệ an toàn, an ninh cho hệ thống thông tin.

3. Khi có sự cố hoặc nguy cơ mất an toàn thông tin phải kịp thời chỉ đạo khắc phục ngay và thông báo bằng văn bản cho phòng Văn hóa và Thông tin huyện biết để cùng phối hợp bàn phương án khắc phục, đồng thời báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc khắc phục sự cố.

4. Phối hợp với đoàn kiểm tra để triển khai công tác kiểm tra khắc phục sự cố; đồng thời cung cấp đầy đủ các thông tin khi đoàn kiểm tra yêu cầu.

5. Khi sửa chữa, nâng cấp, mua sắm các thiết bị ứng dụng CNTT cần tham khảo ý kiến chuyên môn của cán bộ chuyên trách CNTT của UBND huyện về chất lượng, nguồn gốc, tính năng kỹ thuật trước khi thực hiện.

6. Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác đảm bảo AT-ANTT tại cơ quan, đơn vị theo định kỳ 06 tháng và cuối năm gửi UBND huyện (thông qua phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp báo cáo UBND huyện).

Điều 10. Trách nhiệm của phòng Văn hóa và Thông tin

1. Tham mưu cho UBND huyện các văn bản chỉ đạo về công tác đảm bảo AT-ANTT và chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác đảm bảo AT-ANTT của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện theo định kỳ 06 tháng và cuối năm.

2. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, tổng hợp kinh phí để triển khai công tác AT-ANTT trong hoạt động ứng dụng CNTT của UBND huyện.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi phát hiện có các dấu hiệu, hành vi vi phạm AT-ANTT; đồng thời phối hợp với các ngành chuyên môn tổ chức các lớp tập huấn về AT-ANTT cho các thành phần là cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn.

4. Tham mưu cho UBND huyện triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị tuyên truyền AT-ANTT trên địa bàn huyện.

5. Thường xuyên khuyến cáo về các sản phẩm CNTT mới có chất lượng và nguồn gốc đến các cơ quan, đơn vị để làm cơ sở khi mua sắm, sửa chữa; hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ quản lý, vận hành, kỹ thuật đảm bảo AT-ANTT; đồng thời, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị giải quyết sự cố khi có yêu cầu.

6. Thông báo cho các cơ quan, đơn vị biết để có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ mất AT-ANTT do virus, phần mềm gián điệp gây ra.

Điều 11. Trách nhiệm của Công an huyện

1. Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan liên quan thực hiện quản lý, kiểm soát, phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm lợi dụng hệ thống thông tin xâm hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Định kỳ thông báo cho các cơ quan về phương thức, thủ đoạn mới của các loại tội phạm xâm hại đến AT-ANTT để có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh.

3. Điều tra làm rõ các trường hợp vi phạm AT-ANTT và xử lý đúng quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, xây dựng kế hoạch bảo vệ an toàn các công trình quan trọng về an ninh quốc gia trên lĩnh vực CNTT trên địa bàn huyện.

Điều 12. Trách nhiệm của cán bộ phụ trách CNTT

1. Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của cơ quan, đơn vị mình.

2. Kịp thời tham mưu cho cơ quan, đơn vị những quy định, hướng dẫn có liên quan đến công tác đảm bảo AT-ANTT do cơ quan chuyên môn hướng dẫn.

3. Đảm bảo AT-ANTT đối với các máy tính, hệ thống mạng của cơ quan, đơn vị mình.

4. Quản lý việc di chuyển các trang thiết bị CNTT như: máy vi tính, các thiết bị ngoại vi, hệ thống mạng..., thực hiện báo cáo kịp thời về tình trạng hoạt động toàn hệ thống mạng, đề xuất hướng giải quyết khi có sự cố.

5. Hướng dẫn người dùng thay đổi mật khẩu cá nhân theo quy định.

6. Vận hành an toàn hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị, triển khai các biện pháp đảm bảo AT-ANTT cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị mình.

7. Quản lý, theo dõi các hoạt động thường xuyên và định kỳ như: vận hành, sửa chữa hệ thống máy vi tính, các thiết bị khác... Xử lý các yêu cầu về thay đổi tài khoản sử dụng mail công vụ và các tài khoản về các phần mềm ứng dụng phục vụ cho công tác chỉ đạo và điều hành của các cơ quan, đơn vị mình.

Điều 13. Đối với cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị

1. Các máy tính khi không sử dụng trong thời gian dài cần tắt máy, để tránh bị các hacker lợi dụng, sử dụng chức năng điều khiển từ xa tấn công vào hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tự quản lý các thiết bị CNTT được giao sử dụng; không tự ý thay đổi và tháo lắp các thiết bị trên máy tính khi chưa có sự đồng ý của cán bộ phụ trách CNTT; không tự ý liên hệ với cá nhân bên ngoài vào can thiệp các thiết bị và mạng máy tính.

3. Các tập tin gửi đính kèm bởi thư điện tử hoặc được tải xuống từ internet hay các thiết bị lưu trữ gắn vào hệ thống cần được kiểm tra để phòng chống lây

nhiễm virus hoặc phần mềm gián điệp làm mất thông tin.

4. Không được truy cập hoặc tải thông tin từ các Website độc hại, không được cài đặt các chương trình không rõ nguồn gốc.

5. Không dùng hòm thư công vụ của cá nhân và của cơ quan, đơn vị vào mục đích cá nhân như đăng ký tài khoản mạng xã hội, đăng ký mua sắm qua mạng...

6. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định nội bộ về AT-ANTT của cơ quan, đơn vị và các quy định khác của pháp luật, nâng cao ý thức cảnh giác và trách nhiệm, đảm bảo AT-ANTT tại cơ quan, đơn vị mình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Cán bộ chuyên trách CNTT của UBND huyện

1. Trực tiếp tham mưu xử lý, khắc phục sự cố, hướng dẫn khắc phục sự cố về AT-ANTT của huyện.

2. Thường xuyên hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức khai thác và sử dụng tài nguyên CNTT và đảm bảo AT-ANTT.

Điều 15. Phòng Văn hóa và Thông tin

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện nghiêm túc Quy định này và báo cáo UBND huyện về AT-ANTT theo quy định.

2. Tổng hợp các vướng mắc, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa Quy định này; tham mưu đề xuất đầu tư kinh phí mua các phần mềm, thiết bị và hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo AT-ANTT cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn phản ánh kịp thời về phòng Văn hóa và Thông tin huyện để tổng hợp trình UBND huyện xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Hoàng Đăng Khoa